TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN P
TỈNH THÁI NGUYÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 05/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 17 - 02 - 2023
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CÔNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN P, TỈNH THÁI NGUYÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Sái Đức Trung

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Hợi; Ông Dương Viết Vĩnh..

- Thư ký phiên tòa: Ông Tạ Xuân Trà - Thư ký Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Thái Nguyên

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P, tỉnh Thái Nguyên: Không tham gia.

Ngày 17 tháng 02 năm 2023, tại Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Thái Nguyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 251/2022/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 12 năm 2022 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 01 năm 2023, theo quyết định hoãn phiên tòa số 04/2023/ QĐST-DS ngày 17 tháng 01 năm 2023, giữa:

Nguyên đơn: Chị Lê Thị Q, sinh năm 1985

Địa chỉ: Xóm L, xã T, huyện P, tỉnh Thái Nguyên.

(Có mặt tại phiên tòa)

Bị đơn: Anh Đào Văn Đ, sinh năm 1982

Nơi ĐKHKTT: Xóm L, xã T, huyện P, tỉnh Thái Nguyên. Hiện đang cai nghiện ma túy bắt buộc tại Trung tâm cai nghiện đa chức năng tỉnh Thái Nguyên.

(Vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và trong quá trình giải quyết vụ án, các đương sự trình bày như sau:

- *Nguyên đơn chị Lê Thị Q trình bày:* Chị và anh Đào Văn Đ có tìm hiểu và đăng ký kết hôn tự nguyện tại UBND xã T ngày 06/12/2005. Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2018, nhưng đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do anh Đ chơi bời, mắc nghiện ma túy nên vợ chồng thường xuyên bất đồng quan điểm sống, mặc dù chị đã nhiều lần khuyên bảo để anh thay đổi nhưng không được. Anh Đ hiện đang phải đi cai nghiện ma túy bắt buộc tại Trung tâm cai nghiện đa chức năng của tỉnh Thái Nguyên. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, vợ chồng sống ly thân nhau nhiều năm nay. Chị Q yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Đào Văn Đ.

Về con chung: Có 02 con chung là Đào Duy L, sinh ngày 14/9/2006 và Đào Duy L, sinh ngày 26/01/2010. Chị Q đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục 02 con và không yêu cầu anh Đ phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị Q không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

- *Bị đơn là anh Đào Văn Đ trình bày:* Anh có đăng ký kết hôn với chị Q tại UBND xã T ngày 06/12/2005. Tình cảm vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2019 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn ngày càng trầm trọng do nhiều nguyên nhân khác nhau. Nay chị Q yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, quan điểm của anh là vẫn có thể hòa giải được để về đoàn tụ gia đình, nếu ly hôn thì hai con thiếu tình cảm của bố hoặc mẹ.

Về con chung: Có 02 con chung là Đào Duy L, sinh ngày 14/9/2006 và Đào Duy L, sinh ngày 26/01/2010. Nếu ly hôn anh Đ đề nghị được nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục 02 con và không yêu cầu chị Q phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Anh Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Trong quá trình giải quyết vụ án, anh Đào Văn Đ hiện đang cai nghiện ma túy bắt buộc tại Trung tâm cai nghiện đa chức năng tỉnh Thái Nguyên nên Tòa án đã tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải tại Trung

tâm cai nghiện đa chức năng tỉnh Thái Nguyên nhưng chị Q và anh Đ không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ nội dung vụ án, nên vụ án phải đưa ra xét xử công khai ngày hôm nay.

Tại phiên tòa, mặc dù vắng mặt anh Đ nhưng chị Q vẫn giữ quan điểm đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn vắng mặt đối với anh Đ, vì anh Đ đang cai nghiện ma túy bắt buộc tại Trung tâm cai nghiện đa chức năng tỉnh Thái Nguyên nên không thể có mặt tham gia phiên tòa được. Chị đề nghị được nuôi con chung và không yêu cầu anh Đ phải cấp dưỡng nuôi con, về tài sản chung chị không yêu cầu Tòa án giải quyết, về nợ chung không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được Hội đồng xét xử thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án Hôn nhân và gia đình, bị đơn có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại: xã T, huyện P, tỉnh Thái Nguyên, theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện P tỉnh Thái Nguyên. Bị đơn anh Đ đã được tống đạt các văn bản tố tụng hợp lệ, nhưng hiện đang cai nghiện ma túy bắt buộc tại Trung tâm cai nghiện đa chức năng tỉnh Thái Nguyên, nên anh không thể đến Tòa án để tham gia phiên tòa được. Căn cứ vào Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt đối với bị đơn anh Đ.

[2] Về nội dung: Chị Lê Thị Q và anh Đào Văn Đ kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn nên được thừa nhận là hôn nhân hợp pháp và được pháp luật bảo vệ.

2.1 Về quan hệ hôn nhân: Lý do chị Q khởi kiện yêu cầu ly hôn đối với anh Đ do nguyên nhân chủ yếu là anh mắc nghiện ma túy, mặc dù chị đã khuyên bảo nhiều lần nhưng không thành. Anh Đ đã bị Tòa án áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa đi cai nghiện ma túy bắt buộc theo pháp luật. Hội đồng xét xử xét thấy: Mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Q và anh Đ đã có nhiều năm, hai vợ chồng đã ly thân nhau một thời gian dài không có hạnh phúc, hai bên không hòa hợp hàn gắn được, hiện tại vợ chồng vẫn đang sống ly thân. Nay chị Q giữ nguyên quan điểm đề nghị ly hôn. Như vậy, mâu thuẫn vợ chồng đã ở tình trạng trầm trọng kéo dài, mục đích

hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung vợ chồng không tồn tại nên chấp nhận yêu cầu của chị Q, cho chị Q được ly hôn với anh Đ là phù hợp với thực tế và quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

2.2 Về con chung: Đào Duy L, sinh ngày 14/9/2006 và Đào Duy L, sinh ngày 26/01/2010. Hội đồng xét xử xét thấy, hiện nay các cháu hiện đang là học sinh, rất cần sự chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục của người mẹ và nguyện vọng của các cháu mong muốn được ở với mẹ. Còn anh Đ là người nghiện chất ma túy và đang phải cai nghiện bắt buộc. Do vậy, cần giao hai cháu cho chị Q trực tiếp, trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục là phù hợp với thực tế và quy định của pháp luật đảm bảo tốt nhất cho sự phát triển bình thường của các con chung.

Về cấp dưỡng nuôi con: Trong quá trình hòa giải và tại phiên tòa, chị Q không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về quyền thăm nom con: Sau khi ly hôn, anh Đào Văn Đ là người không trực tiếp nuôi con, có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, khi cần thiết anh Đ có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con.

2.3 Về tài sản chung: chị Q và anh Đ không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

2.4 Về nợ chung: chị Q và anh Đ đều xác định không có.

[3] Về án phí ly hôn sơ thẩm: Nguyên đơn là chị Q phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật;

[4] Thông báo về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, 39, 147, 227, 228, 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56, 58, 81,82, 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị Q được ly hôn anh Đào Văn Đ.

2. Về nuôi con: Giao cho chị Lê Thị Q trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục hai cháu: Đào Duy L, sinh ngày 14/9/2006 và Đào Duy L, sinh ngày 26/01/2010 cho đến khi cháu đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Q không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

4. Về quyền thăm nom con: Sau khi ly hôn, anh Đào Văn Đ không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, khi cần thiết anh Đào Văn Đ có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con.

5. Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

6. Về nợ chung: Không có.

7. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Lê Thị Q phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) nộp sung quỹ Nhà nước, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0003037 ngày 07 tháng 12 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện P, tỉnh Thái Nguyên.

8. Thông báo về quyền kháng cáo: Có mặt nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên bản án. Vắng mặt bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Thái Nguyên (01 bản);
- VKS ND huyện P, tỉnh Thái Nguyên(02 bản);
- T.H.A DS huyện P(01 bản);
- Các đương sự trong vụ án;
- UBND xã T;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Sái Đức Trung